

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29-02-2024

Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ.

2. Ông Trần Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2023/TLST- HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXX-HNGĐ, ngày 08/01/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-DS ngày 25/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị D, sinh năm 1992 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Trương Thị D (sau đây gọi tắt là bà D) trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trương Thị D và ông Nguyễn Văn H cưới nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ngày 15/3/2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông H không lo làm ăn để chăm lo cho gia đình. Tình cảm vợ chồng đã không còn nên đã ly thân với nhau từ ngày 30/4/2023 đến nay. Nhận

thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà D và ông H có 02 người con chung tên Nguyễn Hiếu Tinh, sinh ngày 21/02/2012 và Nguyễn Thị Hiếu Ý, sinh ngày 23/10/2013. Khi ly hôn yêu cầu bà D được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Bà D và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Đồng thời được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập hợp lệ xét xử đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H cũng không có văn bản trình bày ý kiến hoặc yêu cầu phản tố nên không có ý kiến trình bày.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân (phô tô); Giấy khai sinh tên Giấy khai sinh tên Nguyễn Hiếu Tinh (bản sao); Giấy khai sinh tên Nguyễn Thị Hiếu Ý (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Đơn xin xác nhận nơi cư trú bị đơn.

Bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến ngày xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, triệu tập hợp lệ để xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Văn H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trương Thị D với ông Nguyễn Văn H là hợp pháp. Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử phân tích, động viên hàn gắn nhưng bà D kiên quyết xin ly hôn, cho thấy tình cảm vợ chồng giữa bà D với ông H không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Bà D và ông H đã ly thân từ ngày 30/4/2023 đến nay nhưng không thể hàn gắn, cho thấy mối quan hệ hôn nhân nữa bà D với ông H đã rạn nứt, tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai không còn quan tâm lẫn nhau, tìm cách giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống, vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất cho bà D được ly hôn với ông H.

[3]. Về con chung: Bà D và ông H có 02 người con chung tên Nguyễn Hữu Tinh, sinh ngày 21/02/2012 và Nguyễn Thị Hữu Ý, sinh ngày 23/10/2013. Cả hai cháu đều trên 7 tuổi, tại bản tự khai cháu Tinh và cháu Ý đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi bà D và ông H ly thân đến nay bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, các cháu vẫn phát triển bình thường như bao trẻ em khác. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H cũng không có ý kiến về vấn đề nuôi dưỡng con chung. Nhằm tránh làm ảnh hưởng, xáo trộn đến cuộc sống của trẻ nhỏ, Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 người con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con chung khi ly hôn nhưng bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề cấp dưỡng.

[4]. Về chia tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002980 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Bà D đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1. Về hôn nhân: Bà Trương Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.
2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Hữu Tinh, sinh ngày 21/02/2012 và Nguyễn Thị Hữu Ý, sinh ngày 23/10/2013 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng

xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà D.

3. Về chia tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0002980 ngày 30/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Bà D đã nộp xong.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự H. U Minh Thượng;
- Ủy ban nhân dân xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh